

Phụ lục
Phân khai chi tiết kế hoạch năm 2026 vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
Nguồn vốn: Tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố năm 2025
(Kèm theo Nghị quyết 53/NQ-HĐND ngày 20/8/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08/12/2025, Quyết định số 3995 /QĐ-UBND ngày 29/12/2025 và cắt giảm theo Quyết định 2844/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của TTCP						Lũy kế kế hoạch vốn bố trí đến ngày 30/5/2026					Kế hoạch vốn NSTP phân khai đợt này	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
						Tổng cộng	Trong đó:				NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác						
							NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác				Tổng cộng	Trong đó:					
								Tổng cộng	Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)				Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác	Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	7=8+9	(8)	9=10+11	(10)	(11)	12=13+14	(13)	14=15+16	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
	Tổng số					219,116	137,237	81,879	80,676	1,203	151,280	137,237	14,043	13,890	153	60,000		
I	Các dự án điều chỉnh theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của HĐND thành phố và Quyết định số 3995 /QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế và xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					210,266	130,393	79,873	79,420	453	144,032	130,393	13,639	13,486	153	59,026		
L1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					96,397	32,550	63,847	63,394	453	39,084	32,550	6,534	6,381	153	53,225		
L1.1	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo A Lưới					85,269	26,350	58,919	58,919	0	32,084	26,350	5,734	5,734	0	49,397		
1	Hồ A Tia, xã Hồng Kim	A Lưới 1	2024-2026	Nạo vét lòng hồ khoảng 6000m3; xây đập dâng nước, kênh dẫn nước và đường giao thông	3131/QĐ-UBND ngày 23/11/2023; 1372/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	30,780	8,405	22,375	22,375	0	9,405	8,405	1,000	1,000	0	21,375	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đang thực hiện
2	Đường giao thông vào cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện A Lưới	A Lưới 3	2024-2026	Tổng chiều dài 1.255,25m đường BTXM, nền đường 7,5m, mặt 5,5m và công trình trên tuyến	850/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	15,489	4,500	10,989	10,989	0	6,500	4,500	2,000	2,000	0	6,989	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đang điều chỉnh dự án để thực hiện hoàn thành
3	Đường giao thông liên xã từ xã Lâm Đớt đi xã Đông Sơn	A Lưới 4	2024-2026	Tuyến đường dài 1.950m; kết cấu lát nhựa, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m và công trình trên tuyến. Cầu BTCT dài 78,15m, 2 nhịp 1=2x33m	375/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	23,000	8,000	15,000	15,000	0	9,734	8,000	1,734	1,734	0	12,066	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đang điều chỉnh dự án để thực hiện hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08/12/2025, Quyết định số 3995 /QĐ-UBND ngày 29/12/2025 và cắt giảm theo Quyết định 2844/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của TTCP						Lũy kế kế hoạch vốn bố trí đến ngày 30/5/2026						Kế hoạch vốn NSTP phân khai đợt này	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:							
						Tổng cộng	NSTW	Trong đó:				Tổng cộng	NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác					
								Tổng cộng	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác					Tổng cộng	Trong đó:				
									Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác					Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)			
4	Đường giao thông liên xã từ xã Trung Sơn đi xã Hồng Vân	A Lưới 1	2024-2026	Tổng chiều dài L=1.627,6m đường BTXM, nền 7,5m, mặt 5,5m; cầu 59,2m và công trình trên tuyến	1898/QĐ-UBND ngày 21/7/2024	16,000	5,445	10,555	10,555	0	6,445	5,445	1,000	1,000	0	8,967	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đang điều chỉnh dự án để thực hiện hoàn thành	
L1.2	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					11,128	6,200	4,928	4,475	453	7,000	6,200	800	647	153	3,828			
1	Đường giao thông liên thôn kết hợp phát triển sản xuất Thanh Hương Tây- Thanh Hương Đông	Phong Phú	2022-2024	1,4km đường BT, nền 6m, mặt 3,5m; công trình trên tuyến	4458/QĐ-UBND ngày 15/7/2022; 6446/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	4,977	4,000	977	977		4,500	4,000	500	500	0	477	UBND phường Phong Phú	Đang thực hiện	
2	Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường trung tâm xã Diên Hương	Phong Phú	2024-2025	Nâng cấp 02 tuyến đường trung tâm tổng chiều dài 459m	3395/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	2,751	700	2,051	1,898	153	1,000	700	300	147	153	1,751	UBND phường Phong Phú	Đang thực hiện	
3	Các tuyến kênh mương xã Phong Chương	Phong Dinh	2024-2025	Xây mới 10 tuyến kênh tổng chiều dài 2,45km	3571/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3,400	1,500	1,900	1,600	300	1,500	1,500	-	0	0	1,600	UBND phường Phong Dinh	Đang thực hiện	
L2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (huyện A Lưới)					113,869	97,843	16,026	16,026	0	104,948	97,843	7,105	7,105	0	5,801			
1	Đường giao thông liên xã A Ngo-Sơn Thủy-Quảng Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	A Lưới 2, A Lưới 3	2023-2026	Tổng chiều dài tuyến L=1.764,46m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa và công trình trên tuyến. Cầu 4 nhịp, chiều dài 146,25m (tính đến đầu mố)	2176/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	83,884	74,286	9,598	9,598	0	77,286	74,286	3,000	3,000	0	3,478	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đang thực hiện	
2	Đường giao thông liên xã từ Thị trấn A Lưới đi xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	A Lưới 2	2023-2026	Tổng chiều dài 03 tuyến L=2.070m mặt đường bê tông nhựa và công trình trên tuyến	2177/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	29,985	23,557	6,428	6,428	0	27,662	23,557	4,105	4,105	0	2,323	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đã cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán	
II	Các dự án điều chỉnh theo Quyết định 2844/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo)					8,850	6,844	2,006	1,256	750	7,248	6,844	404	404	0	852			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08/12/2025, Quyết định số 3995 /QĐ-UBND ngày 29/12/2025 và cắt giảm theo Quyết định 2844/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của TTCP						Lũy kế kế hoạch vốn bố trí đến ngày 30/5/2026					Kế hoạch vốn NSTP phân khai đợt này	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:							
						Tổng cộng	Trong đó:				NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác						
							NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác				Tổng cộng	Trong đó:					
								Tổng cộng	Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)				Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác	Ngân sách thành phố (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác (bao gồm phần NS huyện chuyển sang)			
1	Hệ thống cầu và đường (Cầu và đường xóm Cội, thôn Bình An, Đường và cầu Mù U, thôn Đông An)	Chấn Mây - Lãng Cô	2024-2025	Xây mới 02 tuyến đường/653,8m, kết cấu BTXM, nền đường 4,5m, mặt đường 3,5m và công trình trên tuyến	4167/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	3,350	2,149	1,201	917	284	2,302	2,149	153	153	0	764	UBND xã Chấn Mây-Lãng Cô	Đã hoàn thành 95%
2	Đường ven phá, xã Lộc Bình (giai đoạn 1)	Phủ Lộc	2023-2025	920,93 m đường BTXM và công trình trên tuyến	1162/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; 4430/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	5,500	4,695	805	339	466	4,946	4,695	251	251	0	88	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Đã hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán